

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2024/QĐST-VDS

Ngày: 10/7/2024

V/V: *Hủy kết hôn trái PL*

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN – TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Thị Vân – Thẩm tra viên chính

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2024/TLST-VDS ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2024/QĐST-VDS, ngày 03 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1973. Có mặt

- Ông Lưu Hữu T, sinh năm 1965. Có mặt

Đều trú tại: Thôn Suối Sếu A, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh H.

Đại diện: Ông Nguyễn Hoàng A – Công chức tư pháp xã. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai có trong hồ sơ việc dân sự, người yêu cầu là bà Lê Thị T và ông Lưu Hữu T trình bày: Bà Lê Thị T và ông Lưu Hữu T kết hôn ngày 23/5/1990 tại UBND xã Nh, huyện L, tỉnh H. Ông bà kết hôn trên cơ sở

tự do tìm hiểu, tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Tại thời điểm đăng ký kết hôn bà T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đã khai tăng tuổi để đăng ký kết hôn. Thực tế bà T sinh ngày 03/7/1973 nhưng khi đi đăng ký kết hôn lại khai sinh lên năm 1970 (không khai ngày tháng) để đủ điều kiện đăng ký kết hôn. UBND xã Nhuận Trạch đã căn cứ vào lời khai của bà T để làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho bà T, ông T2. Vì vậy năm sinh trong Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 1 ngày 23/5/1990 là năm 1970 khác với ngày tháng năm sinh của bà T trong căn cước công dân và các giấy tờ tùy thân khác. Sau khi kết hôn bà T, ông T2 chung sống hạnh phúc đến nay đã sinh được hai con chung là cháu: Lưu Thị Thanh, sinh ngày 18/12/1990 và cháu Lưu Hữu Tuấn, sinh ngày 27/03/1994. Do năm sinh của bà T trong Giấy chứng nhận kết hôn không đúng với thực tế và không đúng với năm sinh trong Căn cước công dân và các giấy tờ tùy thân khác nên bà T, ông T2 đã gặp khó khăn khi thực hiện các giao dịch dân sự. Do đó ông, bà làm đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà T và ông T2, đồng thời đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của bà T, ông T2 là hợp pháp kể từ thời điểm bà T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu bà Lê Thị T, ông Lưu Hữu T đã tuân theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết việc dân sự: Áp dụng các Điều 149, 366, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; điểm a khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Lê Thị T và ông Lưu Hữu T. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Lưu Hữu T được xác lập

kể từ ngày 04/7/1990.

- Lệ phí: Bà Lê Thị T, ông Lưu Hữu T phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Bà Lê Thị T và ông Lưu Hữu T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình thụ lý đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Người yêu cầu là Lê Thị T và ông Lưu Hữu T có mặt tại phiên họp và đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Lê Thị T và ông Lưu Hữu T. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Lưu Hữu T kể từ ngày bà T đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định.

[2] Về nội dung yêu cầu:

2.1. Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Căn cứ nội dung đơn yêu cầu, lời trình bày của người yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ: Giấy chứng nhận kết hôn; các giấy tờ cá nhân của bà Lê Thị T; biên bản xác minh tại UBND xã Nhuận Trạch thì có cơ sở xác định bà Lê Thị T sinh ngày 03/7/1973. Tuy nhiên bà T, ông T2 đăng ký kết hôn ngày 23/5/1990 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 1 của UBND xã bà T chưa đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân gia đình 1986 là: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên...*”, UBND xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình thực hiện việc đăng ký kết hôn cho bà T, ông T2 là không đúng theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T, ông T2 về việc hủy kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyển số 1 ngày 23/5/1990 của UBND xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật: Sau khi đăng ký kết hôn từ năm 1990 đến nay bà T và ông T2 chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn và có 02 con chung. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì bà T, ông T2 đã có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T, ông T2 đều yêu cầu Tòa án công nhận hôn nhân giữa ông bà kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

Xét thấy yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T2 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Do đó cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Lưu Hữu T kể từ thời điểm bà Lê Thị T đủ tuổi kết hôn “*đủ 18 tuổi trở lên*” theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, tức là ngày 04/7/1990.

[3] Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị T, ông Lưu Hữu T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị T, ông Lưu Hữu T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 149; 370 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Lê Thị T, ông Lưu Hữu T.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Lê Thị T, ông Lưu Hữu T theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07, quyển số 1 ngày 23/5/1990 của UBND xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T, sinh ngày 03/7/1973 và ông Lưu Hữu T, sinh ngày 10/12/1965 kể từ ngày 04/7/1990.

2. Về lệ phí: Bà Lê Thị T và ông Lưu Hữu T phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0001326 ngày 11/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nay không phải nộp thêm nữa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện LS;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện LS;
- UBND xã Nhuận Trạch;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nguyệt

